

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc phê duyệt dự án đầu tư xây dựng công trình
Đường giao thông nối Quốc lộ 217 với Quốc lộ 45 và Quốc lộ 47**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THANH HÓA

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18/6/2014;

Căn cứ các Nghị định của Chính phủ: số 32/2015/NĐ-CP ngày 25/3/2015 về quản lý chi phí đầu tư xây dựng công trình; Nghị định số 46/2015/NĐ-CP ngày 12/5/2015 về quản lý chất lượng và bảo trì công trình xây dựng; Nghị định số 59/2014/NĐ-CP ngày 18/6/2015 về quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình; số 68/2019/NĐ-CP ngày 14/8/2019 về quản lý chi phí đầu tư xây dựng công trình;

Căn cứ Nghị quyết số 176/NQ-HĐND ngày 10/7/2019 của HĐND tỉnh về việc quyết định chủ trương đầu tư dự án Đường giao thông nối Quốc lộ 217 với Quốc lộ 45 và Quốc lộ 47;

Căn cứ Công văn số 14292/UBND-CN ngày 22/10/2019 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc chấp thuận phương pháp xác định chi phí đầu tư xây dựng các công trình giao thông theo Nghị định số 68/2019/NĐ-CP ngày 14/8/2019 của Chính phủ;

Xét đề nghị của Sở Giao thông vận tải tại Tờ trình số 4198/TTr-SGTVT ngày 29/10/2019 về việc phê duyệt dự án đầu tư xây dựng công trình Đường giao thông nối Quốc lộ 217 với Quốc lộ 45 và Quốc lộ 47, kèm theo báo cáo kết quả thẩm định tại văn bản số 4197/SGTVT-TĐKHKT ngày 29/10/2019 và hồ sơ thiết kế cơ sở,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt dự án đầu tư xây dựng công trình đường giao thông nối Quốc lộ 217 với Quốc lộ 45 và Quốc lộ 47 với các nội dung chủ yếu sau:

1. Tên dự án: Đường giao thông nối Quốc lộ 217 với Quốc lộ 45 và Quốc lộ 47.

2. Tên chủ đầu tư: Sở Giao thông vận tải.

3. Mục tiêu đầu tư: Từng bước hoàn thiện hệ thống giao thông trong khu vực; tăng cường khả năng kết nối và tạo điều kiện thuận lợi cho giao thông đi lại giữa các huyện Vĩnh Lộc, Yên Định, Thiệu Hóa, Thọ Xuân và Triệu Sơn với

Cảng hàng không Thọ Xuân, góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội và đảm bảo an ninh quốc phòng khu vực.

4. Quy mô đầu tư: Đầu tư xây dựng mới 14,66km đường giao thông với quy mô đạt tiêu chuẩn đường cấp IV đồng bằng (theo TCVN 4054-2005). Tốc độ thiết kế $V_{tk}=60\text{km/h}$; tần suất thiết kế $P=4\%$ đối với nền đường, cầu nhỏ và cống, tải trọng thiết kế H30-XB80 đối với cống; tần suất thiết kế $P=1\%$ đối với cầu lớn và cầu trung, tải trọng thiết kế HL93; bề rộng cầu lớn $B_c=12\text{m}$, cầu nhỏ $B_c=10\text{m}$.

5. Giải pháp thiết kế

5.1. Bình đồ tuyến: Tuyến cơ bản đi mới qua khu vực đất lúa và một số vị trí qua khu dân cư.

- Điểm đầu: Km0+00 tại đê Tả sông cầu Chày, tiếp nối với dự án đường từ Quốc lộ 45 đi xã Định Tăng, huyện Yên Định.

- Điểm cuối: Km14+660, giao với Quốc lộ 47 tại Km47+520.

Toàn tuyến có 17 đường cong, bán kính nhỏ nhất $R_{min}=500\text{m}$.

5.2. Trắc dọc: Cao độ thiết kế trên cơ sở tần suất tính toán thủy văn nền đường, các vị trí cầu vượt sông, kênh, các đường hiện hữu (ĐT.506B, QL.47C, QL.47) và các quy hoạch có liên quan. Độ dốc dọc lớn nhất $I_{max}=4\%$.

5.3. Trắc ngang: Độ dốc ngang mặt đường hai mái $I_m=2\%$, lề đường đất $I_l=4\%$, siêu cao trong đường cong $I_{scmax}=2\%$.

- Đoạn ngoài khu dân cư: Nền đường $B_n=9\text{m}$; mặt đường $B_m=2\times 3,5\text{m}=7,0\text{m}$; gia cố lề $B_{gc}=2\times 0,5\text{m}=1,0\text{m}$; lề đường đất $B_l=2\times 0,5\text{m}=1,0\text{m}$.

- Đoạn trong khu dân cư: Nền đường $B_n=9\text{m}$; mặt đường $B_m=2\times 3,5\text{m}=7,0\text{m}$; gia cố lề $B_{gc}=2\times 0,7\text{m}=1,4\text{m}$; đan rãnh $2\times 0,3\text{m}=0,6\text{m}$; bó vỉa $2\times 0,26\text{m}=0,52\text{m}$; rãnh dọc $2\times 0,8\text{m}=1,6\text{m}$.

5.4. Nền đường: Đắp bằng đất đồi đạt độ chặt $K\geq 95$, lớp dưới đáy kết cấu mặt đường đạt độ chặt $K\geq 98$ dày 50cm. Mái taluy đắp 1/1,5 gia cố bằng trồng cỏ; riêng một số đoạn qua ao, hồ, đầu cầu gia cố bằng BTXM. Nền đường đắp qua khu vực có địa chất yếu xử lý bằng giếng cát, kết hợp vải địa kỹ thuật.

5.5. Kết cấu mặt đường: Cường độ mặt đường yêu cầu $E_{yc}\geq 133\text{Mpa}$, tính toán với xe tải trọng trục đơn 10T.

Kết cấu gồm: Mặt đường bê tông nhựa C19 dày 7cm, tưới nhựa thấm bảm TCN 1,0kg/m²; móng đường bằng cấp phối đá dăm có tổng chiều dày 45cm (gồm: lớp móng trên CPĐD loại I dày 15cm; lớp móng dưới CPĐD loại II dày 30cm).

5.6. Thoát nước mặt đường: Chủ yếu bằng chảy tỏa. Đoạn qua khu dân cư bố trí rãnh thoát nước dọc hai bên tiết diện chữ U có nắp đậy, bố trí hố thu với khoảng cách 30m/hố; kết cấu bằng BTCT M250; qua đường ngang bố trí rãnh chịu lực (chiều dài tùy thuộc vào đường ngang), lớp phủ bằng BTXM M300.

5.7. Công thoát nước ngang: Xây dựng mới công bản, công hợp các loại. Kết cấu bằng BTXM và BTCT; móng đặt trên nền thiên nhiên, vị trí nền đất yếu móng được gia cố bằng cọc tre hoặc giếng cát.

5.8. Công trình cầu: Xây dựng mới 06 cầu, gồm 02 cầu lớn (qua sông cầu Chày và sông Chu) có $B_c=12m$; 01 cầu trung (qua sông Hoàng) có $B_c=10m$ và 03 cầu nhỏ (qua kênh Bắc sông Chu, kênh Nam sông Chu, kênh tiêu sông Dừa) có $B_c=10m$. Kết cấu bằng BTCT và BTCT DƯL.

a) Cầu qua sông cầu Chày tại Km0+229,3: Sông thông thuyền cấp V, khổ thông thuyền (bxh)=(25x4)m; chiều dài cầu $L=349,67m$.

- Kết cấu phần trên: Sơ đồ nhịp 10x33m, dầm tiết diện chữ I bằng BTCT DƯL 40Mpa; mặt cắt ngang nhịp gồm 05 phiến dầm, liên kết dầm bằng 05 dầm ngang BTCT 30Mpa; mặt cầu bằng BTCT 30Mpa, bố trí bản liên tục nhiệt trên mặt cầu; khe co giãn bằng bản thép kiểu răng lược; gờ chắn bánh bằng BTCT; lan can tay vịn bằng thép hình, thép bản mạ kẽm; gối cầu bằng cao su bản thép; ống thoát nước mặt cầu bằng gang.

- Kết cấu phần dưới:

- + Hai móng dạng móng nặng kiểu chữ U bằng BTCT 30Mpa, bộ móng đặt hệ cọc khoan nhồi D1,2m bằng BTCT 30Mpa; bản quá độ bằng BTCT; gia cố tứ nón, chân khay bằng BTXM.

- + Trụ cầu bằng BTCT 30Mpa dạng trụ đặc, thân hẹp bộ trụ đặt trên hệ cọc khoan nhồi D1,2m bằng BTCT 30Mpa.

- Bố trí hầm chui dân sinh gắn liền với móng M2, kích thước bxh=(6x4,5)m, kết cấu bằng BTCT.

b) Cầu sông Chu tại Km5+260,54: Sông thông thuyền cấp IV, khổ thông thuyền (bxh)=(40x6)m; chiều dài cầu $L=643,20m$.

- Kết cấu phần trên: Gồm 13 nhịp, trong đó:

- + 03 nhịp chính (52+85+52)m đúc hẫng cân bằng; kết cấu bằng BTCT DƯL 50Mpa; liên kết ngàm với trụ, gối cầu cho cánh hẫng bằng gối chịu thép.

- + 10 nhịp dẫn dạng Super T dài 38,3m kết hợp với 04 trụ dẫn dạng chữ V để tăng chiều dài nhịp vượt đê, mũ các trụ còn lại được mở rộng để tăng chiều dài nhịp; mặt cắt ngang nhịp dẫn gồm 05 dầm SuperT bằng BTCT DƯL 50Mpa, chiều cao dầm 1,75m; bố trí 02 dầm ngang liên kết dầm chủ tại hai đầu dầm; gối cầu bằng thép.

- + Mặt cầu bằng BTCT 30Mpa, lớp phủ mặt cầu bằng BTN C19; khe co giãn bằng bản thép kiểu răng lược, bố trí bản liên tục nhiệt trên nhịp dẫn; lan can bằng thép hình, thép bản mạ kẽm; ống thoát nước mặt cầu bằng gang.

- Kết cấu phần dưới:

- + Hai móng dạng móng nặng kiểu chữ U bằng BTCT 30Mpa, bộ móng đặt trên hệ cọc khoan nhồi D1,2m bằng BTCT 30Mpa; bản quá độ bằng BTCT; gia cố tứ nón, chân khay bằng BTXM.

+ Trụ cầu nhịp đúc hẫng bằng BTCT 40Mpa, bệ trụ đặt trên hệ cọc khoan nhồi bằng BTCT 30Mpa.

+ Trụ dẫn dạng chữ V bằng BTCT 40Mpa (đối với xà mũ trụ bằng BTCT DƯL 40Mpa), bệ trụ đặt trên hệ cọc khoan nhồi D1,2m bằng BTCT 30Mpa.

+ Trụ nhịp dẫn bằng BTCT 30Mpa, dạng trụ đặc, thân hẹp bệ trụ đặt trên hệ cọc khoan nhồi D1,2m bằng BTCT 30Mpa.

- Chính tuyến ĐT.515 trùng với đê hữu: đi dưới nhịp 2, quy mô đường cấp IV đồng bằng ($B_n=9m$, $B_m=7m$). Tuyến nhánh vượt nối từ thượng lưu đê hữu xuống ĐT.515 theo qui mô cấp V đồng bằng ($B_n=7,5m$, $B_m=5,5m$).

- Kè gia cố bảo vệ bờ đê hữu bằng kết cấu rọ đá và đá hộc xây; hoàn trả lại kết cấu kè gia cố hiện hữu sau khi thi công trụ cầu phía đê tả.

- Đường tránh dân sinh bên đê tả đi dưới nhịp 12, theo qui mô cấp IV đồng bằng ($B_n=9m$, $B_m=7m$), kết cấu áo đường như tuyến chính.

- Hoàn thiện mặt cắt ngang đê sông Chu đoạn nằm trong phạm vi đường tránh chui qua gầm cầu, với chiều rộng mặt đê $B_n=9,0m$ (mặt đường gia cố láng nhựa hoặc BTXM rộng 8,0m, lề mỗi bên rộng 0,5m), mái đê phía sông 2/1, mái đê phía đồng 3/1.

c) Cầu vượt kênh tiêu sông Hoàng, Km11+261: Chiều dài cầu $L_c=107,30m$.

- Kết cấu phần trên: Sơ đồ nhịp 3x33m, dầm tiết diện chữ I bằng BTCT DƯL 40Mpa, mặt cắt ngang gồm 05 dầm, liên kết dầm chủ bằng 05 dầm ngang BTCT 30Mpa, mặt cầu bằng BTCT 30Mpa, gờ lan can bằng BTCT 20Mpa, lan can bằng thép hình, thép bản mạ kẽm; khe co giãn bằng băng thép kiểu răng lược; bố trí liên tục nhiệt trên đỉnh 02 trụ; gối cầu bằng cao su bản thép, ống thoát nước mặt cầu bằng gang.

- Kết cấu phần dưới:

+ Hai móng giống nhau dạng móng nặng kiểu chữ U bằng BTCT 30Mpa, bệ móng đặt trên hệ cọc khoan nhồi D1,0m; bản quá độ bằng BTCT; gia cố tứ nón, chân khay bằng BTXM.

+ Trụ cầu bằng BTCT 30Mpa dạng trụ đặc, thân hẹp hai đầu tròn; bệ trụ đặt trên hệ cọc khoan nhồi D1,0m.

d) Cầu qua kênh Bắc sông Chu tại Km6+364: Chiều dài cầu $L_c=35,10m$.

- Kết cấu phần trên: Sơ đồ nhịp 1x30m, dầm tiết diện chữ I bằng BTCT DƯL 40Mpa, mặt cắt ngang gồm 05 dầm, liên kết dầm chủ bằng 05 dầm ngang BTCT 30Mpa, mặt cầu bằng BTCT 30Mpa, gờ lan can bằng BTCT 20Mpa, lan can bằng thép hình, thép bản mạ kẽm; khe co giãn bằng băng thép kiểu răng lược; gối cầu bằng cao su bản thép.

- Kết cấu phần dưới: Hai móng giống nhau dạng móng kiểu tường bằng BTCT 30Mpa, bệ móng đặt trên hệ cọc khoan nhồi D1,0m; bản quá độ bằng BTCT; gia cố tứ nón, chân khay bằng BTXM.

e) Cầu vượt kênh tiêu sông Dừa tại Km7+178: Chiều dài cầu $L_c=23,10m$.

- Kết cấu phần trên: Sơ đồ nhịp 1x15m, dầm tiết diện chữ nhật bằng BTCT DƯL 40Mpa, mặt cắt ngang gồm 10 dầm, mặt cầu bằng BTCT 30Mpa, gờ lan can bằng BTCT, lan can bằng thép hình, thép bản mạ kẽm; khe co giãn bằng thép kiểu răng lược; gối cầu bằng cao su bản thép; ống thoát nước mặt cầu bằng gang.

- Kết cấu phần dưới: Hai móng giống nhau dạng móng kiểu tường bằng BTCT 30MPa, bệ móng đặt trên hệ cọc khoan nhồi D1,0m; bản quá độ bằng BTCT; gia cố tứ nón, chân khay bằng BTXM.

f) Cầu vượt kênh Nam sông Chu, Km9+590: Chiều dài cầu $L_c=31,10m$; kết cấu bằng BTCT và BTCT DƯL.

- Kết cấu phần trên: Sơ đồ nhịp 1x24m, dầm tiết diện chữ nhật bằng BTCT DƯL 40Mpa, mặt cắt ngang gồm 10 dầm, mặt cầu bằng BTCT 30Mpa, gờ lan can bằng BTCT, lan can bằng thép hình, thép bản mạ kẽm; khe co giãn bằng thép kiểu răng lược; gối cầu bằng cao su bản thép.

- Kết cấu phần dưới: Hai móng giống nhau dạng móng kiểu tường bằng BTCT 30Mpa, bệ móng đặt trên hệ cọc khoan nhồi D1,0m; bản quá độ bằng BTCT; gia cố tứ nón, chân khay bằng BTXM.

5.9. Nút giao và đường ngang:

- Các nút giao được thiết kế dạng giao bằng; tổ chức giao thông bằng vạch sơn, biển báo, gờ giảm tốc, đảo, kết hợp đèn cảnh báo.

- Các đường ngang được vượt nổi đảm bảo êm thuận và an toàn giao thông; kết cấu mặt đường bằng BTN, láng nhựa hoặc BTXM tùy thuộc vào tình trạng mặt đường ngang hiện tại.

5.10. An toàn giao thông: Bố trí đầy đủ theo đúng QCVN 41:2016/BGTVT và QCVN 39:2011/BGTVT.

5.11. Công trình hoàn trả: Hoàn trả đường phục vụ thi công: gồm đường giao thông xã Định Tăng, huyện Yên Định; đường giao thông các xã Thọ Trường, Xuân Khánh, Xuân Phong, Thọ Lộc, huyện Thọ Xuân; đường giao thông xã Thọ Ngọc, huyện Triệu Sơn..., tổng chiều dài khoảng 10km.

(Chi tiết có hồ sơ thiết kế cơ sở kèm theo)

6. Địa điểm xây dựng: Trên địa phận các huyện Yên Định, Thiệu Hóa, Thọ Xuân và Triệu Sơn.

7. Diện tích sử dụng đất: Khoảng 30ha.

8. Loại, cấp công trình: Công trình giao thông, cấp II.

9. Phương án giải phóng mặt bằng, tái định cư: Thực hiện theo các quy định pháp luật hiện hành.

10. Tổng mức đầu tư: 921.000.000.000 đồng (Chín trăm hai mươi một tỷ đồng).

Trong đó: - Chi phí bồi thường GPMB:	163.661.000.000 đồng;
- Chi phí xây dựng:	626.290.000.000 đồng;
- Chi phí quản lý dự án:	7.162.000.000 đồng;
- Chi phí tư vấn đầu tư xây dựng:	24.336.000.000 đồng;
- Chi phí khác:	10.529.000.000 đồng;
- Chi phí dự phòng:	89.022.000.000 đồng.

(chi tiết TMĐT có phụ biểu kèm theo)

11. Nguồn vốn đầu tư: Ngân sách tỉnh đầu tư theo kế hoạch.

12. Thời gian thực hiện dự án: Không quá 5 năm (từ năm 2019 - 2023).

13. Các bước thiết kế: Thiết kế 02 bước (Thiết kế cơ sở và thiết kế bản vẽ thi công).

14. Hình thức quản lý dự án: Theo quy định của pháp luật hiện hành về quản lý đầu tư xây dựng công trình của Nhà nước.

15. Tiêu chuẩn áp dụng: Chấp thuận các tiêu chuẩn cơ bản áp dụng cho dự án theo Báo cáo thẩm định số 4197/SGTVT-TĐKHKT ngày 29/10/2019 của Sở Giao thông vận tải.

Điều 2. Giao Sở Giao thông vận tải tổ chức thực hiện theo đúng các quy định hiện hành về đầu tư xây dựng, quản lý ngân sách, đầu tư công.

Giao UBND các huyện: Yên Định, Thiệu Hóa, Thọ Xuân, Triệu Sơn làm chủ đầu tư tiểu dự án giải phóng mặt bằng đoạn qua địa bàn quản lý.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các sở: Giao thông vận tải, Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Xây dựng, Tài nguyên và Môi trường, Nông nghiệp và PTNT; Giám đốc kho bạc Nhà nước tỉnh Thanh Hóa; Chủ tịch UBND các huyện: Yên Định, Thiệu Hóa, Thọ Xuân, Triệu Sơn; Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3-QĐ;
- Chủ tịch UBND tỉnh (để b/c) ;
- Lưu: VT, CN.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Nguyễn Đức Quyền

PHỤ LỤC: TỔNG MỨC ĐẦU TƯ

Dự án: Đường giao thông nối Quốc lộ 217 với Quốc lộ 45 và Quốc lộ 47
(kèm theo Quyết định số: 4495/QĐ-UBND ngày 31 /10/2019 của Chủ tịch UBND tỉnh)

STT	Hạng mục công việc	Giá trị (đồng)
I	Chi phí bồi thường GPMB	163.661.000.000
II	Chi phí xây dựng	626.290.000.000
III	Chi phí quản lý dự án	7.162.000.000
IV	Chi phí tư vấn đầu tư xây dựng	24.336.000.000
1	Khảo sát, lập báo cáo NCKT; thiết kế cắm cọc GPMB, MLG	4.037.000.000
2	Lập nhiệm vụ, dự toán khảo sát + giám sát khảo sát bước lập BCNCKT	170.000.000
3	Khảo sát bước thiết kế BVTC (tạm tính)	4.000.000.000
4	Lập nhiệm vụ, dự toán khảo sát + giám sát khảo sát bước thiết kế BVTC	233.000.000
5	Lập thiết kế BVTC	6.188.000.000
6	Thẩm tra thiết kế BVTC	332.000.000
7	Thẩm tra dự toán	313.000.000
8	Giám sát thi công xây dựng	6.044.000.000
9	Lập hồ sơ mời thầu gói thầu xây dựng	116.000.000
10	Đánh giá hồ sơ dự thầu gói thầu xây dựng	141.000.000
11	Lập HSMT, đánh giá HSDT các gói thầu tư vấn	40.000.000
12	Cắm cọc GPMB và MLG	882.000.000
13	Lập kế hoạch bảo vệ môi trường	190.000.000
14	Thẩm tra an toàn giao thông	150.000.000
15	Kiểm định chất lượng công trình	1.000.000.000
16	Giám sát đánh giá dự án đầu tư	500.000.000
V	Chi phí khác	10.529.000.000
1	Thẩm tra, phê duyệt quyết toán	783.000.000
2	Kiểm toán công trình	2.257.000.000
3	Thẩm định dự án đầu tư	55.000.000
4	Bảo hiểm xây dựng công trình	1.566.000.000
5	Thẩm định thiết kế BVTC	200.000.000
6	Thẩm định dự toán	188.000.000
7	Thẩm định hồ sơ mời thầu gói thầu thi công xây dựng	50.000.000
8	Thẩm định kết quả lựa chọn nhà thầu gói thầu thi công	50.000.000
9	Thẩm định HSMT và kết quả lựa chọn nhà thầu các gói thầu tư vấn	20.000.000
10	Rà phá bom mìn	2.760.000.000
11	Đảm bảo giao thông đường thủy (cầu sông Chu)	2.500.000.000
12	Kiểm tra của cơ quan QLNN trong quá trình thực hiện	100.000.000
VI	Chi phí dự phòng:	89.022.000.000
1	Do yếu tố khối lượng	62.398.000.000
2	Do yếu tố trượt giá	26.624.000.000
	TỔNG MỨC ĐẦU TƯ	921.000.000.000